

Số: 209 /QĐ-ĐHNT

Hà Nội, ngày 7 tháng 02 năm 2023

CƠ SỞ II TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI THƯƠNG
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

ĐẾN Số: 159
Ngày: 20/02/2023
Chuyển: KHTC
Số và ký hiệu HS:

QUYẾT ĐỊNH

V/v điều chỉnh mức thu học phí năm học 2022-2023

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI THƯƠNG

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18/06/2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học, có hiệu lực từ ngày 15/02/2020;

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/06/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/08/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Căn cứ Quyết định 751/QĐ-TTg ngày 02/06/2015 của Chính phủ về việc phê duyệt Đề án thí điểm đổi mới cơ chế hoạt động của Trường Đại học Ngoại thương giai đoạn 2015-2017 (kéo dài theo Nghị quyết số 117/NQ-CP ngày 09/11/2017 của Chính phủ về Phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 10);

Căn cứ Nghị quyết số 165/NQ-CP ngày 20/12/2022 của Chính phủ về học phí đối với cơ sở giáo dục và đào tạo công lập năm học 2022-2023;

Căn cứ Nghị quyết số 02/NQ-HĐT ngày 07/02/2023 của Hội đồng trường về việc điều chỉnh mức thu học phí các loại hình đào tạo năm học 2022-2023;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Điều chỉnh mức thu học phí các hệ đào tạo năm học 2022-2023 (chi tiết theo phụ lục đính kèm quyết định).

Ban chấp hành: KHTC, VTCSII.

Sđọc: BGĐ (đề báo cáo); viên chức CSII (đề biết & thực hiện).

20/02/2023





Điều 2: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký, thay thế Quyết định số 1818/QĐ-ĐHNT ngày 12/07/2022 của Hiệu trưởng về mức học phí các loại hình đào tạo năm học 2022-2023.

Điều 3. Các ông (bà) Trưởng phòng Kế hoạch-Tài chính, Giám đốc Cơ sở 2, Giám đốc cơ sở Quảng Ninh, Trưởng phòng Quản lý Đào tạo, Trưởng khoa Sau đại học, Phó Trưởng Khoa Đào tạo Trục tuyển và Phát triển Nghề nghiệp, sinh viên, học viên cao học, nghiên cứu sinh và trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Bộ GD&ĐT (để báo cáo);
- Chủ tịch HĐT (để biết);
- Ban Giám hiệu (để biết);
- Như điều 3;
- Lưu VT, P. KHTC. 4124

HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS. Bùi Anh Tuấn





PHỤ LỤC I

Mức điều chỉnh học phí năm học 2022-2023

(Kèm theo Quyết định số 203/QĐ-ĐHNT ngày 7 / 02 / 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Ngoại thương)

Đơn vị tính: đồng

STT	HỆ ĐÀO TẠO	TÊN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	MỨC HỌC PHÍ NĂM HỌC 2022-2023			
			Mức học phí/Tín chỉ	Tính theo năm học	Tính theo khóa học	Mức học phí từ lần 2/ Tín chỉ
1	ĐÀO TẠO CHÍNH QUY					
1.1		Chương trình đào tạo tiêu chuẩn				
	Tuyển sinh trước 02/06/2015	Khóa 53 trở về trước	350,000			350,000
	Tuyển sinh sau 02/06/2015	Các khóa từ K54 đến K61	475,000			475,000
1.2		Chương trình đào tạo đặc biệt				
	Đối với K57 trở về trước	Chất lượng cao giảng dạy bằng tiếng Anh	890,000			890,000
		Kế toán - Kiểm toán theo định hướng ACCA	890,000			890,000
		Kinh doanh quốc tế theo mô hình tiên tiến Nhật Bản	890,000			890,000
		Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng định hướng nghề nghiệp quốc tế	890,000			890,000
		Chương trình tiên tiến		57,000,000		
		- Học bằng tiếng Anh				1,760,000
		- Học bằng tiếng Việt				890,000
	Đối với K58, K59	Chất lượng cao giảng dạy bằng tiếng Anh	1,000,000			1,000,000
		Chất lượng cao tiếng Nhật thương mại	1,000,000			1,000,000
		Chất lượng cao tiếng Trung thương mại	1,000,000			1,000,000
		Chất lượng cao tiếng Pháp thương mại	1,000,000			1,000,000
		Kế toán - Kiểm toán theo định hướng ACCA	1,000,000			1,000,000
		Kinh doanh quốc tế theo mô hình tiên tiến Nhật Bản	1,000,000			1,000,000
		Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng định hướng nghề nghiệp quốc tế	1,000,000			1,000,000
		Chương trình tiên tiến		60,000,000		
		- Học bằng tiếng Anh				1,800,000
		- Học bằng tiếng Việt				1,000,000
		Chất lượng cao giảng dạy bằng tiếng Anh	1,000,000			1,000,000
		Chất lượng cao tiếng Nhật thương mại	1,000,000			1,000,000
		Chất lượng cao tiếng Trung thương mại	1,000,000			1,000,000
		Chất lượng cao tiếng Pháp thương mại	1,000,000			1,000,000



STT	HỆ ĐÀO TẠO	TÊN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	MỨC HỌC PHÍ NĂM HỌC 2022-2023			
			Mức học phí/Tín chỉ	Tính theo năm học	Tính theo khóa học	Mức học phí từ lần 2/ Tín chỉ
	Đối với K60, K61	Chất lượng cao tiếng Anh Thương mại	1,000,000			1,000,000
		Chất lượng cao Luật Kinh doanh quốc tế theo mô hình thực hành nghề nghiệp	1,000,000			1,000,000
		Kế toán - Kiểm toán theo định hướng ACCA	1,000,000			1,000,000
		Kinh doanh quốc tế theo mô hình tiên tiến Nhật Bản	1,000,000			1,000,000
		Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng định hướng nghề nghiệp quốc tế	1,000,000			1,000,000
		Chương trình Định hướng nghề nghiệp Marketing số	1,500,000			1,500,000
		Chương trình Định hướng nghề nghiệp Truyền thông marketing tích hợp	1,070,000			1,070,000
		Chương trình Định hướng nghề nghiệp Kinh doanh số	1,500,000			1,500,000
		Chất lượng cao Quản trị khách sạn	1,500,000			1,500,000
		Chương trình tiên tiến		60,000,000		
		- Học bằng tiếng Anh				1,800,000
		- Học bằng tiếng Việt				1,000,000
1.3	Quy định mức học phí của sinh viên Đại học chính quy học song bằng chính quy học lần 1 và lần 2 (nếu có): Như mức học phí áp dụng cho chương trình đào tạo tiêu chuẩn được quy định ở trên.					
1.4	Quy định mức thu học phí năm học 2022-2023 đối với sinh viên đại học chính quy học tại cơ sở Quảng Ninh tuyển sinh từ khóa 59 trở về trước có hộ khẩu thường trú tại Quảng Ninh và có 3 năm học THPT tại Quảng Ninh được hưởng mức học phí bằng 70% mức học phí được quy định ở trên.					
2	ĐÀO TẠO TỪ XA	Chương trình đào tạo từ xa theo mô hình tiên tiến	825,000			825,000
3	ĐÀO TẠO VỮA LÀM VỮA HỌC					
3.1	Hệ đại học (VLVH):					
	Tuyển sinh trước 02/06/2015		400,000			400,000
	Tuyển sinh sau 02/06/2015		480,000			480,000
3.2	Hệ đào tạo văn bằng 2 (VLVH)					
	Tuyển sinh trước 02/06/2015		420,000			420,000
	Tuyển sinh sau 02/06/2015		480,000			480,000
3.3	Hệ đào tạo liên thông (VLVH)		480,000			480,000
3.4	Đối với các đối tượng đang học theo niên chế học lại cùng với các lớp đào tạo theo hình thức tín chỉ, mức thu học phí học từ lần 2 trở đi được áp dụng giống như mức thu của đào tạo theo tín chỉ.					
4	ĐÀO TẠO THẠC SĨ					
4.1		Các Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ tiêu chuẩn				



STT	HỆ ĐÀO TẠO	TÊN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	MỨC HỌC PHÍ NĂM HỌC 2022-2023			
			Mức học phí/Tín chỉ	Tính theo năm học	Tính theo khóa học	Mức học phí từ lần 2/ Tín chỉ
		Quản trị kinh doanh (theo định hướng ứng dụng)		28,000,000		918,000
		Kinh tế quốc tế giảng dạy bằng tiếng Việt (theo định hướng ứng dụng)		28,000,000		918,000
		Kinh doanh thương mại (theo định hướng ứng dụng)		28,000,000		918,000
		Tài chính - Ngân hàng (theo định hướng ứng dụng và định hướng nghiên cứu)		28,000,000		918,000
4.2		Các Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ đặc thù				
		Luật kinh tế (theo định hướng ứng dụng)			58,000,000	950,000
		Điều hành cao cấp theo định hướng ứng dụng (EMBA) học tại Hà Nội và cơ sở 2 - TP. HCM			100,000,000	1,640,000
		Quản lý kinh tế theo định hướng ứng dụng			58,000,000	950,000
		Chính sách và Luật thương mại quốc tế (theo định hướng ứng dụng và định hướng nghiên cứu)			58,000,000	950,000
		Kinh tế quốc tế giảng dạy bằng tiếng Anh theo định hướng nghiên cứu			58,000,000	950,000
4.3	Đối với trường hợp học lại theo hình thức tổ chức lớp riêng theo nguyện vọng của học viên: Với số lượng học viên đăng ký học lại của một môn từ 3 học viên trở lên, mức học phí áp dụng như trường hợp học ghép. Với trường hợp số lượng học viên đăng ký học lại của 1 môn dưới 3 học viên thì mức học phí phải nộp của mỗi học viên bằng tổng số học phí tính cho 3 học viên chia đều cho số học viên đăng ký học để bù đắp kinh phí tổ chức lớp học theo quy chế chi tiêu nội bộ của Nhà trường.					
4.4	Đối với học viên cao học bảo vệ luận văn lần 2 (do luận văn không đạt yêu cầu) thì học viên nộp học phí theo số tháng thực tế kéo dài kể từ ngày bảo vệ lần 1. Đối với học viên của các chương trình đào tạo thạc sĩ đặc thù, mức học phí của 01 tháng được tính bằng mức học phí của khóa học chia (:) thời gian đào tạo. Đối với học viên của các chương trình đào tạo thạc sĩ tiêu chuẩn, mức học phí của 01 tháng được tính bằng mức học phí của 01 năm học chia (:) 12 tháng. Mức học phí của 1 tháng tính theo mức học phí quy định ở trên.					
4.5	Đối với học viên cao học đăng ký đề tài và bảo vệ luận văn thạc sĩ với khóa kế tiếp thì mức học phí phải nộp được tính bằng mức học phí của 1 năm học theo chương trình tiêu chuẩn chia (:) 12 tháng nhân với số tháng thực tế làm luận văn (tính kể từ ngày ký Quyết định giao đề tài luận văn thạc sĩ đến thời hạn nộp luận văn). Mức học phí của 1 tháng tính theo mức học phí quy định ở trên.					
5	ĐÀO TẠO TIẾN SĨ			42,000,000		1,900,000
	Đối với trường hợp học lại theo hình thức tổ chức lớp riêng theo nguyện vọng của NCS: Với số lượng NCS đăng ký học lại của một môn từ 3 NCS trở lên, mức học phí áp dụng như trường hợp học ghép. Với trường hợp số lượng NCS đăng ký học lại của 1 môn dưới 3 NCS thì mức học phí phải nộp của mỗi NCS bằng tổng số học phí tính cho 3 NCS chia đều cho số NCS đăng ký học để bù đắp kinh phí tổ chức lớp học theo quy chế chi tiêu nội bộ của Nhà trường.					

PHỤ LỤC II
HỆ SỐ TÍN CHỈ ÁP DỤNG CHO CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC
THEO HỌC CHẾ TÍN CHỈ

(Kèm theo quyết định số 209/QĐ-ĐHNT ngày 7 tháng 2 năm 2023)

• Hệ số tín chỉ học phí:

STT	Các học phần đào tạo theo tín chỉ	Hệ số tín chỉ học phí
1	Kiến thức đại cương và chuyên ngành	1,0
2	Ngoại ngữ, tin học	1,2
3	Thực tập và tốt nghiệp	1,3

• Công thức tính học phí một học phần như sau:

Học phí học phần đăng ký =	Số tín chỉ của học phần x Hệ số tín chỉ học phí x Đơn giá học phí 1 tín chỉ
----------------------------	---

